TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 220/2021/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 19 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 55, 57, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" thụ lý số 806/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trần T, sinh năm 1983.

- Ông Nguyễn Th, sinh năm 1985.

Cùng hộ khẩu thường trú: I, Ấp PH, xã B, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Cùng tạm trú: Y, Tổ A, Khu phố 2, phường TP, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần T và ông Nguyễn Th tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới, sau đó có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 060, quyển số KH/N08 do Ủy ban nhân dân Phường E, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/07/2008).

Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thiếu trách nhiệm với gia đình, kinh tế khó khăn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Hiện nay, bà Trần T và ông Nguyễn Th xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T và ông Th cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Trần T và ông Nguyễn hT xác nhận có 01 người con chung là Nguyễn Đ (nam), sinh ngày 09/6/2011.

Bà Trần T và ông Nguyễn T thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn, bà Trần T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ông Nguyễn Th không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Bà Trần T và ông Nguyễn Th xác nhận không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Bà Trần T và ông Nguyễn Th xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Bà Trần T và ông Nguyễn Th phải chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần T và ông Nguyễn Th thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 060, quyển số KH/N08 do Ủy ban nhân dân Phường E, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/07/2008 không còn giá trị pháp lý).

1.2. Về con chung: Bà Trần T và ông Nguyễn Th xác nhận có 01 người con chung là Nguyễn Đ (nam), sinh ngày 09/6/2011.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Ông Nguyễn Th đồng ý để bà Trần T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là trẻ Nguyễn Đ (nam), sinh ngày 09/6/2011. Bà Trần T không yêu cầu ông Nguyễn Th cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Th lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Trần T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Tùng.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hoặc mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Trần T và ông Nguyễn Th cùng chịu lệ phí dân sự sơ thẩm đối với việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0042089 ngày 21/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T và ông Th đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.7, TP HCM;
- C/c THADS Q.7, TP HCM;
- C/q đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án (Thúy).

THẨM PHÁN

Trương Như Thủy